

**TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRANH THỦ VỐN HỖ TRỢ CỦA TRUNG ƯƠNG  
(TỪ CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG NHƯ BỘ NN&PTNT, BỘ LĐT&XH, BỘ CÔNG AN...)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 291/2019/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Dự kiến cơ quan lập BC đề xuất hoặc BC nghiên cứu tiền khả thi	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	TMĐT	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2021-2025			Dự kiến KH đầu tư giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	trong đó:			
										Vốn đầu tư công do Tỉnh quản lý và phân bổ	Vốn khác (vốn của Bộ ngành dọc hỗ trợ)		Vốn đầu tư công do Tỉnh quản lý và phân bổ	Vốn khác (vốn của Bộ ngành dọc hỗ trợ)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=(11+12)	11	12	13=(14+15)	14	15	16	
	<b>TỔNG SỐ (Cấp tỉnh quản lý)</b>								<b>3.174.270</b>	<b>2.426.031</b>	<b>323.731</b>	<b>2.102.200</b>	<b>2.308.900</b>	<b>244.200</b>	<b>2.064.700</b>	
	<b>* Phân bổ theo ngành, lĩnh vực</b>	<b>31</b>							<b>3.174.270</b>	<b>2.426.031</b>	<b>323.731</b>	<b>2.102.200</b>	<b>2.308.900</b>	<b>244.200</b>	<b>2.064.700</b>	
	- An ninh quốc phòng	11						270.119	268.800	134.100	134.700	246.400	123.200	123.200		
	- Nông nghiệp và PTNN	15						2.572.471	1.864.631	148.631	1.716.000	1.770.000	80.000	1.690.000		
	- Văn hóa xã hội	5						331.680	292.600	41.000	251.500	292.500	41.000	251.500		
	<b>I An ninh quốc phòng</b>	<b>11</b>						<b>270.119</b>	<b>268.800</b>	<b>134.100</b>	<b>134.700</b>	<b>246.400</b>	<b>123.200</b>	<b>123.200</b>		
1	- Đầu tư xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng Bộ CHQS Tỉnh	1	Bộ CHQS Tỉnh	C	TPCL	Hệ thống cổng chính, hàng rào chiều dài 850m, đường ô tô có diện tích 4.500 m2, công tròn ĐK 800 chiều dài 6,5 km, hệ thống đường điện dài 2 km, nhà ở và làm việc với diện tích 1.660 m2, nhà kho 260 m2...	2021-2023	32.613	32.600	16.000	16.600	30.000	15.000	15.000	nguồn vốn BTL QK9 hỗ trợ, NSDP đối ứng 50%	
2	- Công trình bảo quản, bảo dưỡng vũ khí, trang bị kỹ thuật Bộ CHQS Tỉnh	1	Bộ CHQS Tỉnh	C	TPCL	diện tích xây dựng 3.343 m2	2021-2023	23.500	23.000	11.500	11.500	21.000	10.500	10.500	nguồn vốn BTL QK9 hỗ trợ, NSDP đối ứng 50%	
3	- Cải tạo nâng cấp Doanh trại Ban CHQS huyện, thị, thành phố	1	Bộ CHQS Tỉnh	C	tỉnh ĐT	diện tích xây dựng 9.600m2	2021-2023	30.800	30.800	15.400	15.400	28.000	14.000	14.000	nguồn vốn BTL QK9 hỗ trợ, NSDP đối ứng 50%	
4	- Nhà làm việc đội Cảnh sát PCCC&CNCH thị xã Hồng Ngự	1	Công an Tỉnh	C	TXHN	quy mô 50CBCS, nhà làm việc và để xe PCCC: 890m2; nhà ở tập thể: 470m2; nhà ăn: 155m2, và các hạng mục phụ trợ khác	2021-2023	30.000	30.000	15.000	15.000	27.000	13.500	13.500	nguồn vốn Bộ CA hỗ trợ, NSDP đối ứng 50%	

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Dự kiến cơ quan lập BC đề xuất hoặc BC nghiên cứu tiền khả thi	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	TMDT	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2021-2025			Dự kiến KH đầu tư giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	trong đó:		
										Vốn đầu tư công do Tỉnh quản lý và phân bổ	Vốn khác (vốn của Bộ ngành dọc hỗ trợ)		Vốn đầu tư công do Tỉnh quản lý và phân bổ	Vốn khác (vốn của Bộ ngành dọc hỗ trợ)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=(11+12)	11	12	13=(14+15)	14	15	16
5	Nhà làm việc đội Cảnh sát PCCC&CNCH Khu Công nghiệp Trần Quốc Toàn	1	Công an Tỉnh	C	TPCL	quy mô 50CBCS, Nhà làm việc và để xe PCCC: 890m2; nhà ở tập thể: 470m2; nhà ăn: 155m2, và các hạng mục phụ trợ khác	2022-2024	30.000	30.000	15.000	15.000	27.000	13.500	13.500	nguồn vốn Bộ CA hỗ trợ, NSDP đối ứng 50%
6	Đường nhựa giao thông Lộ 30 cũ	1	Đoàn KTQP 959	C	TH	kết nối từ trung tâm xã Bình Phú đến đường Thống Nhất và đường tuần tra biên giới, dài 6,5km, mặt 5,5m, láng nhựa	2021-2023	49.000	49.000	24.500	24.500	44.000	22.000	22.000	đề nghị Bộ QP hỗ trợ, NSDP đối ứng 50%
7	Đê bao ngăn lũ Địa Cát	1	Đoàn KTQP 959	C	HN	2,4km	2022-2024	7.920	7.800	3.900	3.900	7.800	3.900	3.900	đề nghị Bộ QP hỗ trợ, NSDP đối ứng 50%
8	Cầu kênh An Bình	1	Đoàn KTQP 959	C	TN		2022-2024	11.000	11.000	5.500	5.500	11.000	5.500	5.500	nguồn vốn Bộ QP hỗ trợ, NSDP đối ứng 50%
9	Cải tạo, nâng cấp láng nhựa đường ra biên giới từ Tân Thành Lộ Gạch đến cầu Cà Xiêm	1	Đoàn KTQP 959	C	TH	thuộc trục đường ĐT.843B sẽ hình thành trong tương lai và kết nối thông tuyến từ đường tuần tra biên giới đến Quốc lộ 30 và ĐT.842; dài 7km, mặt 5,5m, láng nhựa	2023-2025	29.600	29.000	14.500	14.500	27.000	13.500	13.500	nguồn vốn Bộ QP hỗ trợ, NSDP đối ứng 50%
10	Đường nhựa từ bờ nam kênh Tân Công Sính 1 (cầu Cô Đông ĐT842 đến kênh An Bình)	1	Đoàn KTQP 959	C	TN	6km	2023-2025	17.000	17.000	8.500	8.500	15.000	7.500	7.500	nguồn vốn Bộ QP hỗ trợ, NSDP đối ứng 50%
11	Gia cố mái taluy đường Việt Thược	1	Đoàn KTQP 959	C	TH	gia cố một số đoạn xung yếu, 2.500m	2021-2023	8.686	8.600	4.300	4.300	8.600	4.300	4.300	nguồn vốn Bộ QP hỗ trợ, NSDP đối ứng 50%
<b>II Nông nghiệp và PTNN</b>		<b>15</b>						<b>2.572.471</b>	<b>1.864.631</b>	<b>148.631</b>	<b>1.716.000</b>	<b>1.770.000</b>	<b>80.000</b>	<b>1.690.000</b>	
1	Kè Bình Thành đến vàm Phong Mỹ sông Tiền (giai đoạn 3)	1	Sở NN&PTNT; Ban QLDA ĐXDCT Nông nghiệp & PTNT	B	TB-CL	xây dựng kè bờ	2021-2024	150.000	140.000	20.000	120.000	120.000	20.000	100.000	nguồn vốn Trung ương hỗ trợ sạt lở

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Dự kiến cơ quan lập BC đề xuất hoặc BC nghiên cứu tiền khả thi	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	TMDT	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2021-2025			Dự kiến KH đầu tư giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	trong đó:		
										Vốn đầu tư công do Tỉnh quản lý và phân bổ	Vốn khác (vốn của Bộ ngành dọc hỗ trợ)		Vốn đầu tư công do Tỉnh quản lý và phân bổ	Vốn khác (vốn của Bộ ngành dọc hỗ trợ)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=(11+12)	11	12	13=(14+15)	14	15	16
2	- Khắc phục khẩn cấp sạt lở bờ sông Tiên trên địa bàn xã Tịnh Thới TP. Cao Lãnh	1	Sở NN&PTNT; Ban QLDA ĐXDCT Nông nghiệp & PTNT	B	TPCL		2021-2024	125.000	120.000	20.000	100.000	110.000	20.000	90.000	nguồn vốn Trung ương hỗ trợ sạt lở
3	- Xử lý sạt lở cấp bách sông Tiên Khu vực Phường An Lạc, thị xã Hồng Ngự	1	Sở NN&PTNT; Ban QLDA ĐXDCT Nông nghiệp & PTNT	B		dài 1.800m (xuất phát từ cầu Sở Thượng ra sông Tiên 300m và kéo dài về hướng thượng lưu 1500m)	2021-2024	205.000	205.000	5.000	200.000	185.000	5.000	180.000	nguồn vốn Trung ương hỗ trợ sạt lở
4	- Xử lý sạt lở cấp bách sông Tiên Khu vực xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh	1	Sở NN&PTNT; Ban QLDA ĐXDCT Nông nghiệp & PTNT	C		dài 500m (xuất phát từ Vàm sông Cái Bèo hướng về hạ lưu)	2021-2023	90.000	90.000	5.000	85.000	81.000	5.000	76.000	nguồn vốn Trung ương hỗ trợ sạt lở
5	- Đầu tư cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống cá tra 3 cấp chất lượng cao tỉnh Đồng Tháp và An Giang	1	Sở NN&PTNT	B	HN		2021-2024	146.000	146.000	20.000	126.000	120.000	20.000	100.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ NN) hỗ trợ, NSDP đối ứng
6	- Dự án Nâng cấp và cải tạo trạm bơm và công trình nội đồng tỉnh Đồng Tháp	1	Sở NN&PTNT	B	toàn tỉnh		2023-2026	450.000	160.000	10.000	150.000	160.000	10.000	150.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ NN) hỗ trợ
7	- Hệ thống công trình chống biến đổi khí hậu TP. Cao Lãnh	1	Sở NN&PTNT	B	TPCL		2023-2026	1.000.000	600.000		600.000	600.000		600.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ NN) hỗ trợ
8	- Kênh Đốc Vàng Thượng	1	Sở NN&PTNT	C	TB	cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp	2022-2024	75.190	75.000		75.000	75.000		75.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ NN) hỗ trợ
9	- Kênh Đốc Vàng Hạ	1	Sở NN&PTNT	B	TB	cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp	2022-2025	81.370	80.000		80.000	80.000		80.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ NN) hỗ trợ
10	- Rạch Cái Tre	1	Sở NN&PTNT	C	TB	cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp	2023-2025	43.260	43.000		43.000	43.000		43.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ NN) hỗ trợ
11	- Ngọn Cái Dầu-Kênh Giáo Đường	1	Sở NN&PTNT	C	TB	cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp	2023-2025	48.410	48.000		48.000	48.000		48.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ NN) hỗ trợ
12	- Kênh Cái Bèo	1	Sở NN&PTNT	B	CL	cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp	2023-2025	89.610	89.000		89.000	89.000		89.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ NN) hỗ trợ
13	- Dự án trồng cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025	1	Sở NN&PTNT	C	toàn tỉnh		2022-2024	30.000	30.000	30.000		25.000		25.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ NN) hỗ trợ

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Dự kiến cơ quan lập BC đề xuất hoặc BC nghiên cứu tiền khả thi	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	TMBĐT	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2021-2025			Dự kiến KH đầu tư giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	trong đó:		
										Vốn đầu tư công do Tỉnh quản lý và phân bổ	Vốn khác (vốn của Bộ ngành dọc hỗ trợ)		Vốn đầu tư công do Tỉnh quản lý và phân bổ	Vốn khác (vốn của Bộ ngành dọc hỗ trợ)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=(11+12)	11	12	13=(14+15)	14	15	16
14	- Dự án nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ rừng phòng cháy chữa cháy rừng Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025	1	Sở NN&PTNT	C	toàn tỉnh		2022-2024	18.000	18.000	18.000		16.000		16.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ NN) hỗ trợ
15	- Phương án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2019-2030	1	Sở NN&PTNT	C	TM		2021-2024	20.631	20.631	20.631		18.000		18.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ NN) hỗ trợ
<b>III</b>	<b>Văn hóa xã hội</b>	<b>5</b>						<b>331.680</b>	<b>292.600</b>	<b>41.000</b>	<b>251.500</b>	<b>292.500</b>	<b>41.000</b>	<b>251.500</b>	
1	- Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Đồng Tháp	1	Sở LĐTB&XH	B	TPCL	80 giường	2021-2024	80.000	72.000		72.000	72.000		72.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ LĐTBXH) hỗ trợ
2	- Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp (vị trí mới)	1	Sở LĐTB&XH; BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp Tỉnh	B	CL	380 đối tượng	2022-2025	157.000	141.000	41.000	100.000	141.000	41.000	100.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ LĐTBXH) hỗ trợ
3	- Dự án tăng cường cung cấp dịch vụ chăm sóc Người cao tuổi chất lượng cao	1	Sở LĐTB&XH	C	CL	400 đối tượng	2021-2023	49.500	34.500		34.500	34.500		34.500	nguồn vốn Trung ương (Bộ LĐTBXH) hỗ trợ (Công văn số 3525/LĐTBXH-BTXH ngày 15/8/2019 của Bộ LĐTB&XH; Tờ trình 49/TTr-UBND ngày 03/6/2019 của UBND Tỉnh)
4	- Xây mới đền thờ liệt sỹ huyện Hồng Ngự	1	Sở LĐTB&XH	C			2022-2024	23.000	23.000		23.000	23.000		23.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ LĐTBXH) hỗ trợ
5	- Nâng cấp sửa chữa nghĩa trang liệt sỹ huyện Thanh Bình	1	Sở LĐTB&XH	C			2022-2024	22.180	22.100		22.000	22.000		22.000	nguồn vốn Trung ương (Bộ LĐTBXH) hỗ trợ